

Mã số: 444

Ngày nhận: 3/10/2017

Ngày gửi phản biện lần 1: /10 /2017

Ngày gửi phản biện lần 2:

Ngày hoàn thành biên tập: 29/1/2018

Ngày duyệt đăng: 29/1/2018

VAI TRÒ CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NỮ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

Nguyễn Thị Tố Uyên¹

Tóm tắt:

Trong giai đoạn hiện nay, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phụ nữ, trong đó có nữ trí thức là một yêu cầu quan trọng. Trí thức nữ luôn phát triển cả về số lượng và chất lượng; đóng góp vào sự phát triển đất nước trên mọi lĩnh vực. Song, vẫn còn tồn tại nhiều rào cản - cả chủ quan và khách quan - ảnh hưởng đến vai trò của nguồn lực trí thức nữ. Bài viết sẽ phân tích những vai trò và giải pháp để phát huy vai trò của đội ngũ trí thức nữ ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: *trí thức, trí thức nữ, phát triển bền vững*

Abstract:

In the present period, strengthening the Party leadership of female intellectuals is an important requirement. Female intellectuals always develops in both quantity and quality; Contribute to the development of the country in all areas. However, there are still many barriers - both subjective and objective - that affect the role of women's intellectual resources. The paper will analyze the roles of female intellectual resources and solutions to promote the role of women's intellectual resources in Vietnam today.

Keywords: *intellectuals, female intellectuals, sustainable development*

-----***-----

¹ Trường Đại học Ngoại thương, Email: touyen8383@gmail.com

Chuyển động của mỗi đất nước phụ thuộc lớn vào trí tuệ và bản lĩnh của tầng lớp trí thức. Đó cũng chính là ý nghĩa sâu sắc trong câu nói nổi tiếng cách đây 533 năm của vị Tiên sĩ triều Lê - Thân Nhân Trung năm 1484: "*Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì đất nước mạnh và càng lớn lao, nguyên khí suy thì thế nước yếu mà càng xuống thấp*". Điều đó càng quan trọng với yêu cầu đào tạo và phát triển đội ngũ trí thức nói chung và nữ trí thức nói riêng - một bộ phận của nguồn nhân lực chất lượng cao - đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh hiện nay.

1. Quan điểm của Đảng về vai trò của đội ngũ trí thức nữ đối với sự phát triển của đất nước

Nói về trí thức, có nhiều khái niệm khác nhau. Nghị quyết số 27 - NQ/TW "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" khẳng định: "*Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội*"². Đội ngũ trí thức có trình độ học vấn, chuyên môn cao, là những người quan tâm, có chính kiến trước những vấn đề chính trị - xã hội của thời cuộc. Đặc trưng nổi bật nhất của khái niệm trí thức là lao động trí óc và có tính sáng tạo.

Tiếp cận từ góc độ nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao, *nữ trí thức* là những người có trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ thuật cao, có kỹ năng, kinh nghiệm, là một bộ phận quan trọng trong nguồn lực trí thức của đất nước. Nhìn từ chiều cạnh giới, họ vừa là bộ phận tiêu biểu về trí tuệ của phụ nữ Việt Nam, có vai trò vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp trồng người và xây dựng gia đình bền vững. Ở bài viết này tác giả sẽ tiếp cận và giải quyết vấn đề từ góc độ nguồn nhân lực để đánh giá vai trò của nguồn lực trí thức nữ đối với sự phát triển của đất nước hiện nay.

Khẳng định đường lối chủ trương đúng đắn của Đảng, đánh giá cao sự cống hiến của nguồn lực trí thức, trong đó có nguồn lực trí thức nữ, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã thảo luận và thông qua *Nghị quyết số 27 - NQ/TW "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*. Những quan điểm đúng đắn của Đảng về đội ngũ trí thức, trong đó có trí thức nữ đã được khẳng định: "*Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp*

² Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Nghị quyết số 27 - NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương khóa X "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"*.

nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững...có chính sách và kế hoạch cụ thể để phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng trí thức trẻ, trí thức là những người đã có cống hiến trong hoạt động thực tiễn, trí thức người dân tộc thiểu số và trí thức nữ”³.

Đặc biệt, công tác phụ nữ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và từng gia đình. Trong đó, hạt nhân lãnh đạo là các cấp ủy đảng, trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu là cơ quan quản lý nhà nước các cấp, vai trò chủ thể là phụ nữ mà nòng cốt là các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam⁴.

Từ quan điểm trên, Nghị quyết đặt ra mục tiêu: Phấn đấu đến năm 2020, phụ nữ được nâng cao trình độ về mọi mặt về học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế; có việc làm, được cải thiện rõ rệt về đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần; tham gia ngày càng nhiều hơn công việc xã hội, bình đẳng trên mọi lĩnh vực; đóng góp ngày càng lớn hơn cho xã hội và gia đình. Phấn đấu để nước ta là một trong các quốc gia có thành tựu bình đẳng giới tiên bộ nhất của khu vực.

Đường lối của Đảng về cán bộ nữ và nữ trí thức được thể chế hóa bằng các văn bản pháp quy của Nhà nước. Đó là *Quyết định 82/Ttg* của Thủ tướng Chính phủ ngày 10-10-1997: “*Đưa quan điểm bình đẳng giới vào các lĩnh vực hoạch định chính sách phát triển kinh tế, các chương trình quốc gia của các ngành, các cấp*”. Theo QĐ 82/Ttg, “*Ủy ban quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ*” đã được thành lập ở trung ương và các cấp tỉnh/thành, quận/huyện...; thành lập ở các bộ/ngành đến các đơn vị cơ sở. Công tác đảm bảo bình đẳng giới, chăm lo đến sự phát triển của phụ nữ không còn là chuyện riêng của Hội phụ nữ mà là của Đảng, Chính phủ, các cấp, các ngành; *Quyết định 19/2002/QĐ-Ttg* của Thủ tướng Chính phủ ngày 21/1/2002 về Phê duyệt Chiến lược quốc gia Vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam đến 2010, đã nêu rõ: “*Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của phụ nữ trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội để tăng số phụ nữ được giới thiệu và bầu tham gia lãnh đạo các cấp, các ngành*”. Các biện pháp gồm: Quy hoạch đội ngũ cán bộ nữ, hoàn thiện hệ thống

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2010), *Nghị quyết số 27 - NQ/TW Ban Chấp hành Trung ương khoá X "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước"*.

⁴ Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Nghị quyết số 11-NQ/TW "Về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"*.

chính sách đối với cán bộ nữ; thực hiện lồng ghép giới trong chính sách phát triển nhân lực. Ngày 11/10/2002, Hội LHPNVN đã trình được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Hội thành lập Quỹ “*Giải thưởng Phụ nữ Việt Nam*” với các nguồn lực do Hội vận động từ các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước. *Luật Bình Đẳng Giới 2006*⁵ được thông qua tại Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam khoá XI, Kỳ họp thứ 10, ngày 21/11/2006 có ghi: “*Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho lao động nữ*” (Điều 13. Bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động), “*Nam, nữ bình đẳng trong việc tiếp cận và hưởng thụ các chính sách về giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ*” (Điều 14. Bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo) và các hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực khoa học và công nghệ “*cản trở nam, nữ tham gia hoạt động khoa học, công nghệ; từ chối việc tham gia của một giới trong các khoá đào tạo về khoa học và công nghệ*”...

Ngoài ra, Đảng có chủ trương tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho sự phát triển của trí thức dân tộc. *Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X* của Đảng (2008) về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhấn mạnh rằng: "Trong mọi thời đại, trí thức luôn là nền tảng tiến bộ xã hội, đội ngũ trí thức là lực lượng nòng cốt sáng tạo và truyền bá tri thức. Ngày nay, cùng với sự phát triển nhanh chóng của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, đội ngũ trí thức trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển"⁶

Do vậy, Đại hội XI đã xác định giáo dục và đào tạo là một trong ba khâu đột phá chiến lược của đất nước trong quá trình hội nhập, phát triển. Muốn thực hiện được điều đó cần có sự quan tâm và đầu tư của toàn xã hội cho đội ngũ trí thức được thể hiện, phát huy vai trò của mình. Việc tạo môi trường dân chủ và đồng thuận xã hội là động lực cho phát triển đất nước. Người trí thức với đặc thù lao động trí óc lại càng cần đến tự do tư tưởng để sáng tạo, cần đến bầu không khí đồng tình, đồng chí để nâng cao cảm xúc sáng tạo đưa lại những tác phẩm, công trình có chất lượng cao. Đại hội XI yêu cầu: "Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì sự phát triển đất nước"⁷

⁵ http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=14854

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam, 2008, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 81.

⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.134.

Trong quá trình lãnh đạo, Đảng xác định các nhân tố tạo thành động lực cho sự phát triển đất nước, trong đó nhân tố quan trọng nhất là phát huy sức mạnh toàn dân tộc, phát huy nhân tố con người. Bước vào bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0, Việt Nam cần chuẩn bị một lực lượng sản xuất hiện đại, một nguồn nhân lực chất lượng cao, trong đó có đội ngũ trí thức. Văn kiện Đại hội XII (2016) của Đảng đã xác định: “Công nghiệp hóa, hiện đại hóa lấy khoa học, công nghệ, tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao làm động lực chủ yếu”⁸

Nghị quyết số 05/NQ-TU khóa XII ngày 01/11/2016 của Đại hội XII về đổi mới mô hình tăng trưởng cũng nêu rõ: “Đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam... Đổi mới mô hình tăng trưởng để thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Toàn hệ thống chính trị và toàn dân, nhất là đội ngũ trí thức, các doanh nhân, doanh nghiệp cần chủ động, sáng tạo, tích cực tham gia và có nhiều đóng góp to lớn trong việc thực hiện nhiệm vụ này”⁹

Đại hội XII nêu lên quan điểm gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát huy dân chủ, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân trong quá trình hoàn thiện và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Đặc biệt, một trong các nhóm nhiệm vụ, giải pháp lớn được Đại hội XII đưa ra là nhóm nhiệm vụ, giải pháp *Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ*: Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.¹⁰ Quan điểm, đường lối của Đảng về thực hành dân chủ, tôn trọng tự do trong hoạt động sáng tạo của mọi cá nhân, của trí thức đã đảm bảo và phát huy vị trí và vai trò của trí

⁸ Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 90.

⁹ <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/ngghi-quyet-hoi-ngghi-bch-trung-uong/khoa-xii/doc-211220169263946.html>

¹⁰ <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-xii/doc-5331201610194346.html>

thức nữ vào mọi mặt của đời sống xã hội, đảm bảo hành lang pháp lý cho sự tham gia của phụ nữ vào các hoạt động của đời sống.

Đó là sự quan tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với việc phát huy vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao, của đội ngũ trí thức nói chung trong đó có trí thức nữ. Hơn nữa, các quan điểm và đường lối của Đảng được coi là một công cụ hữu hiệu làm thay đổi nhận thức xã hội về vai trò và khả năng của phụ nữ trong việc tham gia các hoạt động xã hội. Các quan điểm đó đều khẳng định một cách xuyên suốt và nhất quán: phụ nữ có quyền bình đẳng tham gia mọi mặt của đời sống xã hội.

2. Vai trò của nguồn lực trí thức nữ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay

Nội hàm phát triển bền vững được nêu ở *Hội nghị Thượng đỉnh Trái đất về Môi trường và phát triển* tổ chức ở Rio de Janeiro (Brazil) năm 1992 và được bổ sung, hoàn chỉnh tại *Hội nghị Thượng đỉnh thế giới về Phát triển bền vững* (Johannesburg - Cộng hòa Nam Phi) năm 2002: "Phát triển bền vững" là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa 3 mặt của sự phát triển, gồm: phát triển kinh tế (nhất là tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (nhất là xử lý, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; phòng chống cháy và chặt phá rừng; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên)¹¹.

Về tiêu chí của phát triển bền vững bao gồm 3 tiêu chí: phát triển bền vững kinh tế, phát triển bền vững xã hội và phát triển bền vững môi trường. Trong đó, phát triển bền vững về xã hội được đánh giá bằng các tiêu chí, như HDI, hệ số bình đẳng thu nhập, các chỉ tiêu về giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, hưởng thụ văn hóa. Ngoài ra, bền vững về xã hội là sự bảo đảm đời sống xã hội hài hòa; có sự bình đẳng giữa các giai tầng trong xã hội, tạo điều kiện thuận lợi mọi người phát triển tiềm năng bản thân. Đảm bảo bình đẳng giới, quan tâm tới nhu cầu và lợi ích giới.

Trong *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020* (thông qua tại Đại hội XI, 2011), Đảng nêu rõ: "*Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược*" với các nội dung chủ yếu: "Phải phát triển bền vững về kinh tế... Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện

¹¹ <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/phat-trien-ben-vung-o-viet-nam-tieu-chi-danh-gia-va-dinh-huong-phat-trien-94064.html>

tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao không ngừng chất lượng cuộc sống nhân dân, thực hiện tốt bình đẳng về cơ hội học tập và các chính sách xã hội trong giáo dục.¹²

Về vai trò của đội ngũ trí thức nữ:

Nữ trí thức có đầy đủ phẩm chất của người trí thức Việt Nam gồm cả đức và tài, tạo thành phẩm chất trí thức nói chung, góp phần đóng góp trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Phẩm chất của nữ trí thức thể hiện ở tư cách của phụ nữ, ở chất lượng, hiệu quả làm việc và nghiên cứu khoa học, tinh thần độc lập trong tư duy. Nhờ có những phẩm chất đó, trí thức nữ có thể tham gia vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững hiện nay.

Đánh giá một cách tổng quát, trong tổng số lực lượng trí thức của đất nước (lao động có trình độ từ đại học trở lên), có thể nói, trí thức nữ chiếm tỷ lệ ngang với nam giới trong tổng số lực lượng lao động chất lượng cao của Việt Nam. (Xem Bảng 1)

Bảng 1. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2016

Đơn vị: %

	Tổng số	Trình độ từ đại học trở lên
Cả nước	20.9	9.0
Nam	23	9.1
Nữ	18	9.0

Nguồn: Niên giám thống kê 2016¹³

Theo số liệu của Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Tỷ lệ nữ được phong danh hiệu phó giáo sư và giáo sư tăng đều qua từng giai đoạn. Tính từ năm 2011-2015, có 7,75% giáo sư là nữ, 24,64% phó giáo sư là nữ, tính chung: có 23,06% nữ giáo sư, phó giáo sư.

So sánh số liệu nữ được công nhận đủ tiêu chuẩn đạt chức danh phó giáo sư, giáo sư từ năm 2000 đến năm 2015 sẽ thấy rõ sự nỗ lực vươn lên của nữ trí thức Việt Nam:

Bảng 2. Tỷ lệ % nữ được công nhận đủ tiêu chuẩn đạt chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2000, 2007, 2013, 2014, 2015¹⁴:

¹² <http://dsi.mpi.gov.vn/vietnam2035/3/66.html/baocaovietnam2035>

¹³ <http://www.mpi.gov.vn>

¹⁴ <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/thuc-tien/item/1430-nu-tri-thuc-va-binh-dang-gioi-o-vietnam.html>

Học hàm	Năm công nhận chức danh/tỉ lệ % so với nam				
	2000	2007	2013	2014	2015
PGS	7,0	11,7	22,57	23,59	26,38
GS	4,3	5,1	5,26	5,08	9,62

Con số này tới năm 2016 có sự thay đổi: tỷ lệ nữ giáo sư là 9% (6 nữ/59 nam); tỷ lệ nữ phó giáo sư là 28% (195 nữ/ 508 nam).¹⁵ Như vậy, qua các năm chúng ta đều thấy sự thay đổi theo chiều hướng tăng lên của đội ngũ trí thức nữ Việt Nam. Điều đó thể hiện sự vươn lên không ngừng của họ để có thể đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển của đất nước.

Khi xem xét đánh giá vai trò của trí thức nữ với sự phát triển bền vững, chúng ta cần nhìn từ các góc độ yêu cầu của mục tiêu phát triển bền vững. Sự hiện diện và đóng góp quan trọng của trí thức nữ thể hiện trên các phương diện sau:

Trên góc độ bền vững về kinh tế, xét theo thành phần kinh tế, tỷ lệ trí thức nữ so với nam giới của thành phần kinh tế nhà nước là 43.3%, thành phần kinh tế tập thể là 32%, thành phần kinh tế ngoài nhà nước là 53%. Điều đó cho thấy nữ giới có khả năng thích ứng tốt với các thành phần đòi hỏi tính linh hoạt và tự chủ cao¹⁶. Bối cảnh mở cửa và hội nhập sâu rộng của Việt Nam hiện nay đang tạo cơ hội cho người phụ nữ được đóng góp nhiều hơn cho gia đình và xã hội. họ tham gia và thành công nhiều hơn trên nhiều lĩnh vực mà trước đây theo quan niệm của xã hội không phải thế mạnh của phụ nữ, như: sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm, lãnh đạo và quản lý... Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang có khoảng trên 500 ngàn doanh nghiệp hoạt động, trong đó, số doanh nghiệp do nữ lãnh đạo chiếm khoảng 25%, trên 60% nữ nắm giữ kinh tế hộ gia đình, giải quyết lao động việc làm cho khoảng 30% tổng số lao động.¹⁷ Họ đã mạnh dạn chuyển giao khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất, nắm bắt và theo kịp xu thế của thế giới.

Trí thức nữ cũng là những người luôn thực hiện và tham gia tuyên truyền vận động người lao động cũng như gia đình và xã hội thực hiện tốt chủ trương, đường lối phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước. Đội ngũ nữ doanh nhân nói riêng và trí thức nữ nói chung đã khẳng định được phẩm chất nghề nghiệp, bản lĩnh, năng lực kinh

¹⁵ Vietnamneet.vn/Việt Nam/giao-duc/nhung-con-so-bat-ngo-ve-giao-su-pho-giao-su-viet-nam

¹⁶ Đỗ Thị Thạch (2016), *Nữ trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, tr.255.

¹⁷ Đã dẫn. Tr.39.

doanh, khả năng lãnh đạo, khả năng nắm bắt xu thế đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế.

Từ vai trò trong phát triển bền vững kinh tế, trí thức nữ đã có những vai trò quan trọng trên góc độ bền vững về xã hội. Vai trò đó thể hiện trước hết là ở khả năng gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế hướng thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, tạo cơ hội việc làm và cơ hội phát triển cho tất cả mọi người. phụ nữ trong vai trò là những người lãnh đạo - trên nhiều lĩnh vực - đã đấu tranh và hành động cho việc gắn mục tiêu phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Phụ nữ đấu tranh và bảo vệ các quyền cơ bản và tiếng nói của chính mình trong yêu cầu phát triển xã hội để đạt đến mục tiêu bình đẳng giới. Phát triển bền vững về xã hội chú trọng vào sự công bằng và xã hội luôn cần tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển con người và cố gắng cho tất cả mọi người cơ hội phát triển tiềm năng bản thân và có điều kiện sống chấp nhận được.

Tiêu chí bền vững về xã hội sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam trong đó có người phụ nữ. Do vậy, phụ nữ và trí thức nữ sẽ là những người có vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu này trong hiện tại và tương lai.

Trong mục tiêu bền vững môi trường, trí thức nữ đóng góp tích cực vào việc hoạch định chủ trương, chính sách về bảo vệ môi trường. Điều này được thực hiện tốt ngay trong gia đình, khu dân cư đến nơi làm việc. Vấn đề bền vững về môi trường được thế giới quan tâm và đặt ra trên các bàn nghị sự, xuất phát từ nguyên nhân chính là các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của con người. Bởi vậy, khi người phụ nữ tham gia và ngày càng có tiếng nói trong lĩnh vực kinh tế cũng như trong quản lý, họ đã góp phần rất tích cực vào việc hướng mọi hoạt động đến mục tiêu bảo vệ môi trường, tài nguyên, sinh thái và khí hậu. Trong những năm qua, trí thức nữ luôn bám sát sự chỉ đạo của TƯ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cùng phối hợp với các ngành, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục có chiều sâu, tuyên truyền cộng đồng nâng cao nhận thức và hành động vì môi trường.¹⁸

Ngoài ra, vai trò của đội ngũ trí thức nữ còn thể hiện trên rất nhiều các khía cạnh của đời sống đất nước. Nữ trí thức đóng góp tích cực vào việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; đóng góp những công trình khoa học, văn

¹⁸ Đã dẫn, tr. 263.

hóa, nghệ thuật có giá trị, nhiều sản phẩm hàng hóa, dịch vụ có chất lượng cao; Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học các cấp do nữ làm chủ nhiệm và có kết quả cao. Nữ trí thức nỗ lực góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội, phát triển văn hóa, giáo dục, giữ gìn, phát huy bản sắc truyền thống dân tộc, nền nếp gia phong.

Đó là vai trò to lớn trên tất cả các mặt của đội ngũ trí thức nữ Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước hiện nay.

3. Vị thế, vai trò của nữ trí thức vẫn còn nhiều hạn chế

Bên cạnh những vai trò và đóng góp to lớn đã đề cập trên đây, trí thức nữ Việt Nam vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định.

Một là, số lượng nữ trí thức có trình độ đại học trở lên đang ngày càng tăng nhưng càng ở bậc học cao, tỷ lệ chênh lệch giữa nữ và nam càng lớn trong các lĩnh vực cùng tham gia. Chẳng hạn, nữ giáo sư hiện chỉ chiếm 5,26%; nữ trí thức được nhận giải thưởng Hồ Chí Minh chiếm 1,42%; nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV chiếm 26,80%; nữ đại biểu HĐND khóa 2016 - 2021, cấp tỉnh/thành chiếm 26,46%, cấp quận, huyện, thị xã chiếm 27,51% và cấp xã, phường, thị trấn chiếm 26,70%...¹⁹

Hai là, cơ cấu của đội ngũ nữ trí thức còn bất hợp lý trong phân bố vùng miền, cơ cấu ngành nghề, độ tuổi, dân tộc... Cũng như đội ngũ trí thức nói chung, nữ trí thức tập trung chủ yếu ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố lớn. Nữ trí thức người dân tộc thiểu số rất ít ỏi. Phần lớn nữ trí thức có trình độ chuyên gia đã tuổi cao. Nữ trí thức trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, chính trị có tỷ lệ thấp; ngành kinh tế và ngành khoa học xã hội chiếm tỷ lệ cao...

Theo số liệu Niên giám thống kê 2016 của Tổng cục thống kê, sự phân bố của đội ngũ trí thức Việt Nam nói chung và trong đó là trí thức nữ chỉ tập trung ở một vài vùng kinh tế - xã hội nhất định. Đội ngũ trí thức tập trung làm việc nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng và ít nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Nguyên nhân sự mất cân đối này là do điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi vùng có tạo môi trường thuận lợi cho đội ngũ trí thức làm việc và phát triển khác nhau. Do vậy, cần có chiến lược đào tạo và sử dụng đội ngũ trí thức đồng đều cho tất cả các địa phương trong cả nước.

Bảng 3. Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo năm 2016

¹⁹ PGS, TS. Đỗ Thị Thạch (2016), *Vai trò, vị thế của nữ trí thức Việt Nam trong phát triển bền vững*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 8-2016.

Vùng kinh tế - xã hội	Tổng số lao động qua đào tạo	Lao động có trình độ từ đại học trở lên
Trung du miền núi phía Bắc	17.5	5.9
Đồng bằng sông Hồng	28.4	12.9
Bắc trung bộ và duyên hải miền trung	20	8.0
Tây nguyên	13.1	5.5
Đông nam bộ	26.2	13.5
Đồng bằng sông Cửu Long	12	5.4

Nguồn: Niên giám thống kê 2016²⁰

Ba là, gia đình - tế bào của xã hội, đang chịu sự tác động của rất nhiều yếu tố làm cho các mối quan hệ của gia đình có xu hướng ngày càng lỏng lẻo. Điều này cũng diễn ra trong nhiều gia đình nữ trí thức. Với vai trò “kép”, nữ trí thức gặp rất nhiều khó khăn khi phải vừa thực hiện vai trò, thiên chức người vợ, người mẹ, vừa phải thực hiện vai trò, chức năng của một nhà khoa học, nhà quản lý, lãnh đạo, kinh doanh,... Thậm chí không ít trí thức nữ phải từ bỏ sự nghiệp để giữ hạnh phúc gia đình; một số làm việc cầm chừng hoặc an phận, dẫn đến hiện tượng “lãng phí chất xám”, của đội ngũ nữ trí thức. Hiện tượng nữ trí thức thành đạt sống độc thân hoặc chấp nhận gia đình “thiếu vắng” đang có xu hướng gia tăng.

Những rào cản ảnh hưởng tới phát triển đội ngũ nữ trí thức:

Một là, định kiến giới trong xã hội còn khá nặng nề đối với phụ nữ nói chung và càng nặng nề hơn đối với nữ trí thức. Tư tưởng xem thường phụ nữ, thiếu tin tưởng vào năng lực trí tuệ của phụ nữ trong phát triển kinh tế, trong hoạt động khoa học, quản lý, lãnh đạo... của một bộ phận cán bộ quản lý, đồng nghiệp nam và sự níu kéo nhau của chính bản thân nữ trí thức, tạo ra những rào cản lớn trong hoạt động sáng tạo của họ.

Hai là, chính sách đối với nữ trí thức, phát huy tiềm năng, vai trò của nguồn nhân lực nữ trí thức còn chưa đầy đủ và liên tục. Thực tế, trong khoảng thời gian từ sau Đại hội Đảng khóa X đến nay, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với nữ trí thức vẫn còn ghép chung trong chính sách đối với phụ nữ, đối với trí thức nói chung, không có các nghị quyết bàn riêng về trí thức nữ đối với bối cảnh mới của

²⁰ <http://www.mpi.gov.vn>

đất nước. Đó là một nguyên nhân để chúng ta chưa có những hành động đầy mạnh hơn vai trò của trí thức nữ Việt Nam.

Ba là, bản thân đội ngũ nữ trí thức bị ràng buộc về tâm lý, sức lực vào gia đình nên không thể toàn tâm phát triển kinh tế và tham gia mọi hoạt động xã hội như nam giới. Vẫn là rào cản lớn đối với nữ trí thức hiện nay. Chính những thiên chức của người phụ nữ đã đạt xã hội và chính người phụ nữ đặt ra cho mình bao đời nay khiến các cấp lãnh đạo cũng rất khó khăn khi điều chuyển hay phân công công việc cho phụ nữ nhất là các chức vụ quản lý. Thiên chức kép trong gia đình và xã hội khiến phụ nữ ít có thời gian giành cho hoạt động kinh tế, xã hội, hay nghiên cứu và học tập chuyên sâu như nam giới. Điều này đã hạn chế về khả năng phát triển của trí thức nữ.

Bối cảnh mới đòi hỏi các cấp lãnh đạo và xã hội cùng với đội ngũ trí thức nói chung, nữ trí thức nói riêng phải không ngừng nâng cao trình độ thông tin, khoa học – công nghệ và khắc phục những hạn chế, rào cản để phát huy vai trò trong quá trình hội nhập và phát triển bền vững đất nước.

4. Một số giải pháp phát huy vai trò của đội ngũ trí thức nữ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

Thứ nhất, nâng cao nhận thức của cộng đồng, người dân, nam giới và nữ giới về vai trò, vị thế của nữ trí thức trong phát triển đất nước

Xóa bỏ định kiến giới không chỉ dừng ở việc thay đổi nhận thức mà quan trọng hơn, phải giúp mọi người xác định rõ trách nhiệm xây dựng một thái độ sống đúng đắn, tích cực, thực hiện bình đẳng về giá trị, vai trò, vị thế của mỗi cá nhân không phân biệt giới, qua đó mỗi người có thể thay đổi chính mình và thay đổi những người xung quanh.

Thứ hai, đổi mới chính sách, pháp luật về bình đẳng giới

Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia xóa bỏ khoảng cách giới nhanh nhất trong vòng 20 năm qua. Mặc dù vậy, việc ban hành văn bản hướng dẫn, thể chế hóa quy định của pháp luật liên quan đến bình đẳng giới còn chậm. Vì vậy, phải sớm khắc phục tình trạng này ngay trong việc sửa đổi bổ sung các văn bản luật có liên quan để bảo đảm bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động. Chính sách, pháp luật phải tạo ra sự bình đẳng về cơ hội tiếp cận nguồn lực, cơ hội nâng cao năng lực, cơ hội lựa chọn cho mọi công dân Việt Nam, không phân biệt giới, đúng tinh thần của Hiến pháp

Việt Nam, Công ước CEDAW và các công ước quốc tế khác về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia, ký kết.

Các cơ quan có thẩm quyền cần sớm ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa quy định trong Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị “Thực hiện nguyên tắc bình đẳng giữa nam và nữ về độ tuổi trong quy hoạch, đào tạo, đề bạt và bổ nhiệm” và quy định tại Khoản 4, Điều 11, Luật Bình đẳng giới “Nam, nữ bình đẳng về tiêu chuẩn chuyên môn, độ tuổi khi được đề bạt, bổ nhiệm vào cùng vị trí quản lý”.

Thứ ba, cần các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho nữ trí thức cống hiến

Để hỗ trợ nữ trí thức làm tốt vai trò kép của mình, Đảng và Nhà nước cần ban hành các chính sách hỗ trợ và tạo điều kiện để nữ trí thức có đủ kiến thức, kỹ năng thực hiện tốt trách nhiệm của mình. Cần tạo cơ hội và điều kiện để chị em được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn; xem xét tiêu chí giới khi bổ nhiệm; có các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của gia đình và cộng đồng, cơ quan về san sẻ vai trò kép đối với phụ nữ....

Trong phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân, cần quan tâm đến các hoạt động giảm gánh nặng gia đình cho nữ, trong đó có nữ trí thức, như: Phát triển hệ thống dịch vụ gia đình để hỗ trợ giúp các công việc gia đình; Tăng cường tuyên truyền, vận động cả nam giới và nữ giới nhận thức được vai trò và trách nhiệm chia sẻ công việc gia đình của nam giới vào các công việc nội trợ, nuôi dạy con cái.

Thứ tư, xóa bỏ rào cản từ thái độ tự kỳ thị của phụ nữ

Bản thân nữ trí thức trước hết phải ý thức được đầy đủ vai trò về giới của mình, mới có thể nắm bắt được những cơ hội phát triển hướng tới cách ứng xử bình đẳng giới. Nữ trí thức cần nỗ lực nhiều mặt để vượt qua rào cản của sự tự kỳ thị, phải vượt qua tâm lý an phận, luôn có ý thức cầu tiến, độc lập trong tư duy để phát triển bản thân. Nữ trí thức phải tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội để tích lũy tri thức và kinh nghiệm, tận dụng sự hỗ trợ tích cực từ phía khách quan, cùng với những nỗ lực chủ quan, vượt qua những trở ngại về giới, để xác lập vai trò, tạo vị thế cho bản thân.

Thứ năm, phát huy vai trò tham mưu của các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp

Liên hiệp Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nữ trí thức Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp trực tiếp tham mưu chính sách, luật pháp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của lao động nữ trí thức, cần tăng cường các hoạt động nhằm thu hút nữ trí thức góp phần phân bổ xã hội, nghiên cứu đề xuất xây dựng chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước về bình đẳng giới, về trí thức và lao động nữ phù hợp với bối cảnh hiện nay.

Từ phân tích trên cho thấy, xét một cách toàn diện, có thể nhận định rằng, ngày nay trong xu thế hội nhập và phát triển bền vững, vai trò và vị thế của trí thức nữ Việt Nam đã được nâng cao đáng kể trên cả hai phương diện gia đình và xã hội. Cần có sự huy động các nguồn lực để tạo điều kiện phát triển và phát huy nguồn nhân lực nữ. Có như vậy, mới phát huy đến mức cao nhất mọi nguồn lực, tiềm năng trí tuệ của dân tộc, đặc biệt là năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức. Và như vậy, nữ trí thức mới làm tốt được sứ mệnh trong nền kinh tế trí thức, trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững hiện nay.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Đỗ Thị Thạch (2016), *Nữ trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển bền vững đất nước*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
4. <http://dangcongsan.vn>
5. <http://genic.molisa.gov.vn>
6. <http://lyluanchinhtri.vn>
7. <http://moj.gov.vn>
8. <http://www.mpi.gov.vn>
9. <http://tapchitaichinh.vn>